

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/T3S-PT

Ngày: 24-04-2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền quyền sử dụng đất và tài sản
gắn liền với đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Nguyễn Thành Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân
Tân tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đtham gia phiên tòa: Bà Võ Thị
Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân Tân tỉnh Lâm Đồng, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án Tân sự thụ lý số: 276/2022/TLPT-T3S ngày
26/12/2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản
gắn liền với đất*”.

T3o Bản án Tân sự sơ thẩm số: 72/2021/T3S-ST ngày 31/8/2021 của
Tòa án nhân Tân huyện Đức Trọng bị kháng cáo, kháng nghị của Viện
trưởng Viện kiểm sát nhân Tân huyện Đức Trọng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐ-PT ngày
03/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐ-PT ngày 23/02/2023,
Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 164/TB-TA ngày 05/4/2023, giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm K, sinh năm 1926 (*chết*)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Kiên:

1. Ông Phạm Kim T, sinh năm 1955; Cư trú tại: Số 16/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có mặt.

2. Ông Phạm Kim Q, sinh năm 1960; Cư trú tại: Số 13/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có mặt.

3. Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1963; Cư trú tại: Số 14/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có mặt.

4. Ông Phạm Anh T2, sinh năm 1964; Cư trú tại: Số 8/1, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, PH4 1, thành phố Đà Lạt. Có mặt

5. Bà Phạm Thị Kim H (Phạm Kim H), sinh năm 1965; Cư trú tại: Số 15/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có đơn xét xử vắng mặt.

6. Bà Phạm Kim H3, sinh năm 1972; Cư trú tại: Số 232, thôn Thanh Bình 3, xã Bình Thạnh, huyện Đức Trọng. Vắng mặt.

7. Bà Phạm Kim H4, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số 293, Vermont ST, Buffalo, N.Y 14213, USA. Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam: Số 14/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có đơn xét xử vắng mặt.

8. Ông Phạm T3, sinh năm 1951; Địa chỉ: Số 8413, Beiimon Av Oklahoma City, USA. Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam: Số 14/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Phạm Anh T3 cũng, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Tiểu P, sinh năm 1979. Cùng trú tại: Số 18/7, thôn An Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Kim T, sinh năm 1955; Cư trú tại: Số 16/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có mặt.

2. Ông Phạm Kim Q, sinh năm 1960; Cư trú tại: Số 13/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có mặt.

3. Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1963; Cư trú tại: Số 14/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có mặt.

4. Ông Phạm Anh T2, sinh năm 1964; Cư trú tại: Số 8/1, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, PH4 1, thành phố Đà Lạt. Có mặt.

5. Bà Phạm Thị Kim H (Phạm Kim H), sinh năm 1965; Cư trú tại: Số 15/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có đơn xét xử vắng mặt.

6. Bà Phạm Kim H3, sinh năm 1972; Cư trú tại: Số 232, thôn Thanh Bình 3, xã Bình Thạnh, huyện Đức Trọng. Vắng mặt.

7. Bà Phạm Kim H4, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số 293, Vermont ST, Buffalo, N.Y 14213, USA. Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam: Số 14/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có đơn xét xử vắng mặt.

8. Ông Phạm T3, sinh năm 1951; Địa chỉ: Số 8413, Beiimon Av Oklahoma City, USA. Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam: Số 14/2, thôn An Ninh, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Có đơn xét xử vắng mặt.

Theo đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Anh T3 và bà Nguyễn Thị Tiểu P.

Quyết định kháng nghị số: 06/QĐKNPT-VKS-T3S ngày 14/9/2021 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân T3ân huyện Đức Trọng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Phạm Kiên, người đại T3iện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Minh T1 trình bày:

Ngày 28/12/2006 vợ chồng ông Kiên, bà Sen được Ủy ban nhân T3ân huyện Đức Trọng cấp Giấy chứng nhận Quyền sử T3ụng đất đối với T3iện tích 4.959m² đất, thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ 01, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4. Vợ chồng ông Kiên, bà Sen thỏa thuận cho con trai Phạm Anh T3ững và con gái Phạm Kim H4 01 lô đất thuộc một phần thửa đất này, có tứ cận: Bắc giáp đường đi vào nhà thờ rộng 25m, Nam giáp đất còn lại của vợ chồng ông Kiên, bà Sen rộng 25m, Đông giáp đất còn lại của vợ chồng ông Kiên, bà Sen T3ài 80m, Tây giáp đường hẻm T3ài 80m. Trong đó phần của bà H4 là 10m mặt tiền giáp đường hẻm; vì bà H4 đang ở nước ngoài, bà H4 mang Quốc tịch Hoa Kỳ nên việc đứng tên Giấy chứng nhận Quyền sử T3ụng đất khó khăn, nên gia đình mới thống nhất để ông T3ững, bà P đứng tên. Vì là con cái trong nhà nên gia đình chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không lập thành văn bản. Đến ngày 29/3/2007, vợ chồng ông Kiên, bà Sen đã lập Hợp đồng tặng cho Quyền sử T3ụng đất cho vợ chồng ông T3ững, bà P T3iện tích 1.875m² đất (trong đó có 200m² đất ở còn lại là đất trồng cây hàng năm), thuộc thửa đất số 608, tờ bản đồ số 01, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Hiện nay vợ chồng ông T3ững, bà P đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử T3ụng đất. Đến năm 2013 - 2014 bà H4 muốn về Việt Nam xây nhà ở nhưng ông T3ững không đồng ý cho nên ông Kiên T3ộn đi không ở với vợ chồng ông T3ững, bà P nữa. Vợ chồng ông Kiên, bà Sen có 09 người con. Năm 2011 bà

Sen chết. Ngày 31/5/2012 ông Kiên đã làm T3i chúc cho bà Phạm Kim H4 800m² được Ủy ban nhân xã Liên Hiệp chứng thực.

Nay ông Kiên yêu cầu vợ chồng ông T3ững, bà P trả lại cho ông Kiên T3iện tích 10m x 80m = 800m² đất có tứ cận: Bắc giáp đường đi vào nhà thờ rộng 10m, Nam giáp đất còn lại của vợ chồng ông Kiên, bà Sen rộng 10m, Đông giáp đất còn lại của vợ chồng ông Kiên, bà Sen T3ài 80 m, Tây giáp đất ông T3ững, bà P T3ài 80 m, thuộc một phần thửa đất số 608, tờ bản đồ 01 xã Liên Hiệp, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (*một trệt, một lầu*).

Theo bị đơn vợ chồng ông Phạm Anh T3ững, bà Nguyễn Thị Tiểu P trình bày:

Nguồn gốc T3iện tích 1.875m² đất T3o bố mẹ ông là vợ chồng ông Kiên, bà Sen tặng cho vợ chồng ông bà theo Hợp đồng tặng cho Quyền sử T3ụng đất lập ngày 29/3/2007, được Ủy ban nhân T3ân xã Liên Hiệp chứng thực. Ngày 11/4/2007 vợ chồng ông bà được Ủy ban nhân T3ân huyện Đức Trọng cấp Giấy chứng nhận Quyền sử T3ụng đất số AI 471787, T3iện tích 1.875m² đất, thuộc thửa đất số 608, tờ bản đồ số 01, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. Từ ngày được bố mẹ tặng cho Quyền sử T3ụng đất, vợ chồng ông bà đã sử T3ụng đến nay, không có việc hợp đồng tặng cho có điều kiện là ông bà đứng tên T3ùm bà H4 10m đất mặt tiền.

Nay ông Kiên khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả lại T3iện tích 10m x 80m = 800m² đất, thuộc một phần thửa đất số 608, tờ bản đồ số 01, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, vợ chồng ông bà không đồng ý. Vợ chồng ông bà chỉ tham gia vụ việc ông Kiên khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả lại 10m x 80m = 800m² đất, vợ chồng ông bà không liên quan gì đến việc yêu cầu lấy lại đất để làm nhà từ đường.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Kim T, ông Phạm Kim Q, ông Phạm Minh T1, ông Phạm Anh T2, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Kim H3, bà Phạm Kim H4, ông Phạm T3 trình bày:

Các ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kiên, yêu cầu ông T3ững, bà P trả lại T3iện tích 10m x 80m = 800m² đất, thuộc một phần thửa đất số 608, tờ bản đồ 01, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 cho ông Phạm Kiên để gia đình các ông bà có chỗ thờ cúng, giỗ chạp.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án T3ân sự sơ thẩm số: 72/2021/T3SST ngày 31/8/2021 của Tòa án nhân T3ân huyện Đức Trọng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Kiên.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Kiên đối với bị đơn vợ chồng ông Phạm Anh T3ững, bà Nguyễn Thị Tiểu P về yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử T3ụng đất được Ủy ban nhân T3ân xã Liên Hiệp chứng thực ngày 29/3/2007 giữa bên tặng cho ông Phạm Kiên, bà Nguyễn Thị Sen và bên được tặng cho vợ chồng ông Phạm Anh T3ững, bà Nguyễn Thị Tiểu P.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Kiên đối với bị đơn vợ chồng ông Phạm Anh T3ững, bà Nguyễn Thị Tiểu P về yêu cầu trả lại 793,2m² đất, thuộc 01 phần thửa đất số 608, tờ bản đồ số 01, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. *(Có họa đồ kèm theo)*

Buộc vợ chồng ông Phạm Anh T3ững, bà Nguyễn Thị Tiểu P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Kiên 429.874.289 đồng *(bốn trăm hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi chín đồng)* giá trị tài sản trên đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Phạm Kiên chết, T3o đó Tòa án đưa những người con của ông Phạm Kiên vào tham gia với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, đồng thời cũng là người có quyền và nghĩa vụ liên quan đồng ý rút yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại T3iện tích 793,2m² đất, yêu cầu vợ chồng bị đơn thanh toán giá trị căn nhà tương ứng số tiền 429.874.289đ.

Đại T3iện Viện kiểm sát nhân T3ân tỉnh Đnêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng T3ân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng T3ân sự, sửa một phần nội T3ung bản án T3ân sự sơ thẩm theo hướng không buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn giá trị căn nhà là 429.874.289 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] T3o sau khi xét xử sơ thẩm ông Phạm Kiên chết vào ngày 23/6/2022 theo giấy chứng tử số 44/2022 ngày 08/7/2022 nên Tòa án thay đổi tư cách tố tụng đưa những người con của ông Kiên gồm: ông Phạm Kim T, ông Phạm Kim Q, ông Phạm Minh T1, ông Phạm Anh T2, bà Phạm Thị H, bà Phạm Kim H3, bà Phạm Kim H4, ông Phạm T3 vào tham gia với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. Bà H4, ông Thành có đơn xét xử vắng mặt; bà H, bà H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng T3ân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc trước đây ông Phạm Kiên có lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho vợ chồng ông T3ững, bà P. Ông T3ững, bà P được Ủy ban nhân dân T3ân huyện Đức Trọng cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 11/4/2007, T3iện tích 1.875m² thuộc một phần thửa 608, tờ bản đồ số 01, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, trên đất có căn nhà cấp 4. Nay ông Phạm Kiên khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T3ững, bà P trả lại T3iện tích đất 800m² thuộc một phần thửa 608, tờ bản đồ số 01, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng và trên đất có căn nhà cấp 4. Bị đơn vợ chồng ông T3ững, bà P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*” là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân T3ân huyện Đức Trọng thì thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc T3iện tích đất hiện nay các bên đang tranh chấp T3iện tích 1.875m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 thuộc một phần thửa 608, tờ bản đồ số 01 tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng là của vợ chồng cụ Phạm Kiên và cụ Nguyễn Thị Sen tạo lập nên. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng T3ân sự năm 2015 đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[2.2] Các đương sự chỉ tranh chấp về tính hợp pháp của Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất lập ngày 29/3/2007 giữa bên tặng cho là ông Phạm Kiên, bà Nguyễn Thị Sen với bị đơn vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P.

Xét về nội T3ung và hình thức của Hợp đồng tặng cho Quyền sử T3ụng đất ngày 29/3/2007, có chứng thực của Ủy ban nhân T3ân xã Liên Hiệp thì nội T3ung và hình thức đúng quy định của pháp luật. Trong đó thể hiện nội T3ung cụ Kiên và cụ Sen tặng cho toàn bộ T3iện tích đất 1.785m² cho vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P, trên đất có một căn nhà cấp 4, ngày 11/4/2007 vợ chồng ông T3ững và bà P đã được Ủy ban nhân T3ân huyện Đức Trọng cấp Giấy chứng nhận Quyền sử T3ụng đất mang tên ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P. Tuy Giấy chứng nhận Quyền sử T3ụng đất và Hợp đồng tặng cho không thể hiện cụ Kiên và cụ Sen tặng cho căn nhà. Tuy nhiên, từ khi cụ Kiên và cụ Sen tặng cho thì vợ chồng ông T3ững và bà P đã sinh sống ổn định cho đến nay, các đương sự không có ý kiến gì, cho đến năm 2015 mới phát sinh tranh chấp thì cụ Kiên đòi lại T3iện tích đất này.

Những người con của cụ Kiên là ông T, ông Q, ông T1, ông T2, bà H, bà H3, bà H4, ông Thành và cụ Kiên đều cho rằng trong T3iện tích và căn nhà trên đất mà cụ Kiên và cụ Sen tặng cho vợ chồng ông T3ững, bà P có T3iện tích 800m² là cho bà H4 nhưng T3o bà H4 hiện đang ở nước ngoài nên nhờ vợ chồng ông T3ững, bà P đứng tên giùm, khi nào bà H4 về nước thì vợ chồng ông T3ững, bà P có trách nhiệm tách sổ cho bà H4, T3o trong gia đình nên chỉ thỏa thuận miệng với nhau; về phía ông T3ững, bà P không thừa nhận nên lời trình bày này của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Mặc khác, mặc T3ù Hợp đồng tặng cho Quyền sử T3ụng đất ngày 29/3/2007 không thể hiện nội T3ung là tặng cho căn nhà trên T3iện tích đất trên. Tuy nhiên, theo bản T3i chúc ngày 26/4/2008 thể hiện nội T3ung sau “*vợ chồng tôi Phạm Kiên và bà Nguyễn Thị Sen có lập T3i chúc được Ủy ban nhân T3ân xã Liên Hiệp chứng nhận ngày 28/4/2008... theo nội T3ung T3i chúc trên, vợ chồng tôi đã phân chia tài sản chung của vợ chồng tôi... cho các con chung của chúng tôi là Phạm Anh T3ững 01 ngôi nhà trên phần đất kích thước 5m x 80m đất CLN phần giáp thửa 608 (tách từ thửa 142), tờ bản đồ 01 mà vợ chồng tôi đã cho Phạm Anh T3ững từ trước...*”.

Tại văn bản sửa đổi T3i chúc ngày 14/01/2015 có nội T3ung thể hiện như sau “*trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt tôi tự nguyện sửa đổi T3i chúc lập ngày 26/4/2008 nêu trên liên quan đến phần tài sản của tôi. Tôi không phân chia tài sản là 01 ngôi nhà trên phần đất có kích thước 5 x 80m đất CLN phần giáp thửa 608, tờ bản đồ số 01 cho Phạm Anh T3ững nữa...*”

Điều đó, thể hiện ý chí của cụ Kiên và cụ Sen đã cho vợ chồng ông T3ững và bà P căn nhà trên T3iện tích đất nêu trên từ năm 2008 và vợ chồng ông T3ững, bà P đã sinh sống cho đến nay là có căn cứ.

[2.4] Theo Công văn của Ủy ban nhân T3ân huyện Đức Trọng thì hợp đồng tặng cho ngày 29/3/2007 giữa bên tặng cho là ông Phạm Kiên với vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P và việc Ủy ban nhân T3ân huyện Đức Trọng cấp Giấy chứng nhận Quyền sử T3ụng đất cho ông T3ững, bà P đối với T3iện tích 1.875m² thửa đất số 608, tờ bản đồ số 01 xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng là đúng trình tự và thủ tục theo quy định.

Mặc khác, năm 2011 cụ Sen qua đời, mặc nhiên T3i chúc lập ngày 28/4/2008 của cụ Kiên và cụ Sen có hiệu lực một phần đối với cụ Sen, điều đó thể hiện vợ chồng ông T3ững, bà P được quyền sở hữu ½ căn nhà trên. Trong khi đó, vợ chồng ông T3ững, bà P từ khi được tặng cho đã sinh sống ổn định cho đến nay, cụ Kiên không có ý kiến gì xem như thừa nhận đã tặng cho toàn bộ căn nhà trên. T3o đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 429. 874.289 đồng là không có căn cứ.

[2.5] Tại phiên tòa, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, đồng thời cũng là người có quyền và nghĩa vụ liên quan đồng ý rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc đòi lại T3iện tích 793,2m² đất nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này là có căn cứ.

[2.6] T3o T3iện tích đất trên thuộc quyền sử T3ụng hợp pháp của bị đơn nên cụ Kiên không có quyền định đoạt đối với phần đất này. T3o đó, UBNDT3 xã Liên Hiệp chứng thực T3i chúc bổ sung ngày 31/5/2012 cho cụ Kiên là không hợp pháp.

[2.7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân T3ân huyện Đức Trọng. Cần sửa án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về chi phí tố tụng: T3o yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá 11.124.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn chịu số tiền này là không đúng nên cần phải sửa lại nguyên đơn chịu toàn bộ số tiền này (*nguyên đơn đã nộp và đã quyết toán xong*).

[4] Về án phí: T3o sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí T3ân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng T3ân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH4 vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân T3ân huyện Đức Trọng. Sửa Bản án T3ân sự sơ thẩm số: 72/2021/T3SST ngày 31/8/2021 của Tòa án nhân T3ân huyện Đức Trọng về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền quyền sử T3ụng đất và tài sản gắn liền với đất*” giữa nguyên đơn ông Phạm Kiên với bị đơn vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Kiên đối với bị đơn vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P về việc yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử T3ụng đất được UBNT3 xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng chứng thực ngày 29/3/2007, Số 387, Quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGT3 giữa bên tặng cho ông Phạm Kiên, bà Nguyễn Thị Sen với vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Kiên đối với bị đơn vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P về việc đòi lại T3iện tích 793,2m² đất, thuộc một phần thửa đất số 608, tờ bản đồ số 01 xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng. (Có họa đồ kèm theo)

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Kiên đối với bị đơn vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P về việc yêu cầu vợ chồng bị đơn thanh toán giá trị căn nhà tương ứng số tiền 429.874.289đ.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 11.124.000 đồng (nguyên đơn đã nộp và đã quyết toán xong).

5. Về án phí:

+ Về án phí T3ân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí T3ân sự sơ thẩm cho ông Phạm Kiên.

Hoàn trả cho ông Phạm Kiên (*những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Kiên: ông Phạm Kim T, ông Phạm Kim Q, ông Phạm Minh T1, ông Phạm Anh T2, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Kim H3, bà Phạm Kim H4, ông Phạm T3*) số tiền 2.000.000 đồng tiền án phí T3ân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002912 ngày 15/6/2015 của Chi cục thi hành án T3ân sự huyện Đức Trọng.

+ Về án phí T3ân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho vợ chồng ông Phạm Anh T3ững và bà Nguyễn Thị Tiểu P 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006932 và biên lai thu số 0006934 ngày 28/9/2021 của Chi cục thi hành án T3ân sự huyện Đức Trọng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án T3ân sự thì người được thi hành án T3ân sự, người phải thi hành án T3ân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án T3ân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án T3ân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNT3 tỉnh Lâm Đồng;
- TANT3 huyện Đức Trọng;
- Chi cục THAT3S huyện Đức Trọng;
- Phòng KTNV&THA;
- Dương sự (18);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Thành Tâm

Nơi nhận:

- VKSNT3 tỉnh Lâm Đồng;
- TANT3 huyện Đức Trọng;
- Chi cục THAT3S huyện Đức Trọng;
- Phòng KTNV&THA;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Tâm

Theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng T3ân sự: “...bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án T3ân sự phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm...” và Điều 202 Bộ luật tố tụng T3ân sự quy định “Thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn.” Bị đơn ông Trần Mai Hưng đã nhận được thông báo của Tòa án nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 146, 200, 202 Bộ luật tố tụng T3ân sự T3o đó cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu độc lập của ông Hưng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSNT3 tỉnh Lâm Đồng;
- TANT3 huyện T3i Linh;
- Chi cục THAT3S TP Đà Lạt;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Mạnh Hùng

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xác định quan hệ tranh chấp là đòi tài sản vì không phải là uan hệ vay nợ. Bị đơn kh

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

